

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

QUÝ I/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		423,336,981,669	376,248,649,378
I-Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	176,774,322,361	184,135,373,810
1. Tiền	111		104,674,322,361	114,635,373,810
2. Các khoản tương đương tiền	112		72,100,000,000	69,500,000,000
II-Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36,000,000,000	37,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	36,000,000,000	37,000,000,000
III-Các khoản phải thu ngắn hạn	130		199,208,655,230	145,185,536,544
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	155,003,384,561	115,444,223,162
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16,510,931,443	2,832,934,162
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	36,734,956,788	35,948,996,782
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(9,040,617,562)	(9,040,617,562)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV-Hàng tồn kho :	140		36,800,000	175,500
1. Hàng tồn kho	141	V.6	36,800,000	175,500
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V-Tài sản ngắn hạn khác	150		11,317,204,078	9,927,563,524
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	1,617,045,420	636,349,773
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14	8,556,102,315	9,071,124,347
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	1,144,056,343	220,089,404
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B-TÀI SẢN DÀI HẠN	200		234,514,023,201	237,310,280,714
I-Các khoản phải thu dài hạn	210		7,964,789,470	7,964,789,470
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	7,964,789,470	7,964,789,470
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II-Tài sản cố định	220		78,526,453,069	80,569,407,263
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	58,916,797,949	60,856,925,406
- Nguyên giá	222		135,430,335,233	135,430,335,233
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(76,513,537,284)	(74,573,409,827)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.9	19,609,655,120	19,712,481,857
- Nguyên giá	228		22,331,234,828	22,331,234,828
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2,721,579,708)	(2,618,752,971)
III-Bất động sản đầu tư	230	V.10	48,754,974,211	49,801,071,781
- Nguyên giá	231		74,584,104,356	74,584,104,356
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(25,829,130,145)	(24,783,032,575)
IV-Tài sản dở dang dài hạn	240		75,545,490,354	75,533,676,718
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	75,545,490,354	75,533,676,718
V-Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	21,417,463,841	21,064,185,510
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9,827,674,478	9,474,396,147
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11,589,789,363	11,589,789,363
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI- Tài sản dài hạn khác	260		2,304,852,256	2,377,149,972
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	2,304,852,256	2,377,149,972
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		657,851,004,870	613,558,930,092
NGUỒN VỐN				
C-NỢ PHẢI TRẢ				
I-Nợ ngắn hạn	310		300,178,741,862	261,002,499,537
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	95,870,528,368	84,013,518,902
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		22,505,136,833	20,226,015,048
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9,852,199,180	14,395,364,675
4. Phải trả người lao động	314		26,479,623,920	40,746,902,010
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	8,507,860,585	7,526,728,536
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	24,316,146,989	200,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	104,700,762,510	87,193,844,581
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	2,333,081,633	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5,613,401,844	6,700,125,785
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II-Nợ dài hạn	330		14,953,690,150	14,947,690,150
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15	500,000,000	500,000,000
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	713,770,150	707,770,150
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	13,739,920,000	13,739,920,000

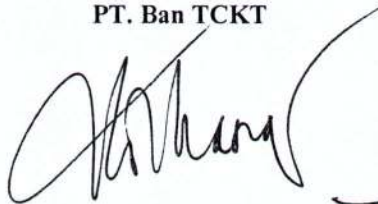
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		342,718,572,858	337,608,740,405
I-Vốn chủ sở hữu	410		342,718,572,858	337,608,740,405
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	116,500,000,000	116,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		116,500,000,000	116,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	74,261,208,991	74,261,208,991
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.18	12,734,417,453	12,734,417,453
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	93,094,113,815	87,854,561,665
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		87,854,561,665	38,626,406,914
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5,239,552,150	49,228,154,751
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.18	46,128,832,599	46,258,552,296
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		657,851,004,870	613,558,930,092
			-	-

Người lập biểu



NGUYỄN LƯƠNG HUY

PT. Ban TCKT



VÕ TRUNG THẮNG

Tp.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



YŨ XUÂN TRUNG



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 QUÝ I NĂM 2016**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	164,487,145,945	180,713,820,800	164,487,145,945	180,713,820,800
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	164,487,145,945	180,713,820,800	164,487,145,945	180,713,820,800
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	143,699,450,638	161,523,298,971	143,699,450,638	161,523,298,971
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		20,787,695,307	19,190,521,829	20,787,695,307	19,190,521,829
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,717,023,443	1,849,926,719	2,717,023,443	1,849,926,719
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	321,655,174	513,937,513	321,655,174	513,937,513
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-	-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		353,278,331	3,253,400,413	353,278,331	3,253,400,413
9. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	17,704,194,270	15,883,527,216	17,704,194,270	15,883,527,216
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)+24-(25+26)]	30		5,832,147,637	7,896,384,232	5,832,147,637	7,896,384,232
12. Thu nhập khác	31	VI.5	314,964,943	38,885,058	314,964,943	38,885,058
13. Chi phí khác	32	VI.6	349,224	10,101,021	349,224	10,101,021
14. Lợi nhuận khác (40=31 - 32)	40		314,615,719	28,784,037	314,615,719	28,784,037
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6,146,763,356	7,925,168,269	6,146,763,356	7,925,168,269
16. Chi thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1,036,930,903	1,318,609,411	1,036,930,903	1,318,609,411
17. Chi thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		5,109,832,453	6,606,558,858	5,109,832,453	6,606,558,858
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		5,239,552,150	6,720,796,770	5,239,552,150	6,720,796,770
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(129,719,697)	(114,237,912)	(129,719,697)	(114,237,912)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		450	577	450	577
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu



NGUYỄN LƯƠNG HUY

PT. Ban TCKT



VÕ TRUNG THẮNG

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



VŨ XUÂN TRUNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 QUÝ I NĂM 2016

Đơn vị tính: VND

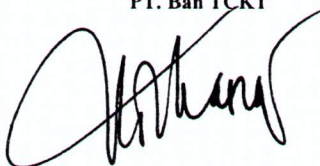
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		302,567,690,594	311,073,158,167
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(245,708,220,656)	(247,034,315,307)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(32,138,436,302)	(39,876,340,064)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1,293,874,973)	(1,189,803,420)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		336,083,030,844	435,036,874,234
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(368,899,365,575)	(409,789,041,287)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9,389,176,068)	48,220,532,323
II- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11,813,636)	(63,148,969,485)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3,000,000,000)	(1,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9,000,000,000	9,058,448,283
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	136,725,937
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,879,738,531	1,141,685,443
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7,867,924,895	(54,312,109,822)
III- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2,333,081,633	5,381,451,185
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8,155,000,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5,821,918,367)	5,381,451,185
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(7,343,169,540)	(710,126,314)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		184,135,373,810	216,246,123,176
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(17,881,909)	4,091,686
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		176,774,322,361	215,540,088,548

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

PT. Ban TCKT

Tổng Giám đốc


NGUYỄN LƯƠNG HUY

VÕ TRUNG THẮNG

VU XUÂN TRUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12 Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý I Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005432 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận điều chỉnh.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; Sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; Vận tải container bằng đường bộ; Cho thuê văn phòng; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; Bốc xếp hàng hóa; Đại lý ký gửi hàng; Vận tải đa phương quốc tế; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ logistic; Mua bán, cho thuê và sửa chữa container; Kinh doanh vận tải biển; Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); Dịch vụ khai thuê hải quan.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính .

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 44
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà kho và sân bãi thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là từ 05 – 20 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Riêng các quyền sử dụng đất có xác định thời hạn sử dụng sẽ được khấu hao trong thời gian sử dụng tương ứng như sau:

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng tại. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra để sửa chữa văn phòng, nhà làm việc. Chi phí này được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty mà không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2,355,031,324	2,435,316,777
Tiền gửi ngân hàng	102,319,291,037	112,200,057,033
Các khoản tương đương tiền	72,100,000,000	69,500,000,000
Cộng	<u>176,774,322,361</u>	<u>184,135,373,810</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại ngân hàng	36,000,000,000	36,000,000,000	37,000,000,000	37,000,000,000
Cộng	<u>36,000,000,000</u>	<u>36,000,000,000</u>	<u>37,000,000,000</u>	<u>37,000,000,000</u>

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	40%	9,827,674,478	40%	9,474,396,147
Cộng		<u>10,386,084,502</u>		<u>9,474,396,147</u>

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong năm	Các khoản khác	Giá trị phần sở hữu cuối quý
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	9,474,396,147	353,278,331			9,827,674,478
Cộng	<u>9,474,396,147</u>	<u>353,278,331</u>			<u>9,827,674,478</u>

- Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số CP	Giá trị	Số CP	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu dài hạn		9,420,160,000		9,420,160,000
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam ¹	913.390	7,400,160,000	913.390	7,400,160,000
- Tổng Công ty cổ phần Thép Việt Nam – CTCP ²	200.000	2,020,000,000	200.000	2,020,000,000
Đầu tư vào đơn vị khác		2,169,629,363		2,169,629,363

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số CP	Giá trị	Số CP	Giá trị
- Công ty TNHH Yusen Logistics & Vận tải Việt Nam – USD 51.000 (51%) ³		1,072,836,000		1,072,836,000
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam USD 4.000 (1%) ⁴		63,746,040		63,746,040
- Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam ⁵	50.000	500,000,000	50.000	500,000,000
- Công ty liên doanh Bông Sen ⁶		533,047,323		533,047,323
Cộng		11,589,789,363		11,589,789,363

(1) Công ty CP Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSA) tiền thân là Đại lý hàng hải Việt Nam là cổ đông sáng lập Ngân hàng hàng hải Việt Nam vào năm 1991. Đồng thời VOSA cũng là khách hàng thân thiết của MSB trong nhiều năm. Số cổ phiếu VOSA sở hữu là tích lũy qua nhiều năm do quá trình góp vốn, tặng vốn bằng cổ phiếu, chi cổ tức bằng cổ phiếu.

(2) Tổng công ty cổ phần thép Việt Nam (VNSTEEL) là đối tác quan trọng của VOSA ở khu vực miền Bắc. VOSA đã thực hiện cung cấp dịch vụ đại lý vận tải cho VNSTEEL trong nhiều năm. Khi VNSTEEL thực hiện bán cổ phiếu ra công chúng lần đầu (IPO), VOSA đã thực hiện đấu giá mua 200.000 cổ phiếu của VNSTEEL.

(3) Ngày 01/04/2014, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam với vốn điều lệ 100.000USD, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%. Công ty hoạt động trong các lĩnh vực giao nhận và kho bãi, làm thủ tục hải quan, môi giới, vận tải đường bộ.v.v. Theo Hợp đồng liên doanh VOSA sẽ được nhận khoản phí quản lý cố định hàng năm là 40.000USD và không tham gia quản lý, kiểm soát hoạt động hàng ngày của Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam. Đối với phần lợi nhuận của liên doanh vẫn được chia theo tỷ lệ góp vốn của hai bên.

(4) Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) (trước đây là Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam): giảm do chuyển nhượng vốn. Ngày 26 tháng 3 năm 2014, Công ty đã chuyển nhượng 50% vốn cho đối tác nước ngoài là Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd. với số tiền là 500,000.00 USD (tương đương 10.540.000.000 VND). Từ ngày 01/04/2014, VOSA chỉ còn giữ 1% vốn góp và nhận lãi cố định 5.000USD/năm. Theo hợp đồng chuyển nhượng, Công ty sẽ tiếp tục được chia lợi nhuận đối với số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions (Việt Nam) lũy kế đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 theo tỷ lệ vốn góp trước thời điểm chuyển nhượng (Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam: 51%, Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd.: 49%) theo thông báo chia lợi nhuận của Công ty TNHH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Yusen Logistics (Việt Nam) phân kỳ 7 năm (2014-2020), mỗi kỳ VOSA được nhận số tiền 15,5 tỷ đồng.

⁽⁵⁾VOSA là cổ đông thành lập Cty CP VINALINES LOGISTICS năm 2007. Hàng năm cổ tức thu được trung bình 5%. Hiện nay Công ty này đã niêm yết trên sàn UPCOM với mã chứng khoán VLG.

⁽⁶⁾Được thành lập năm 1991, Công Ty Liên Doanh Bông Sen (**Cảng LOTUS**) là đơn vị liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực khai thác cảng biển Quốc tế giữa Công ty VIETRANS, VOSA và đối tác nước ngoài BLASCO – Ukraine. Tại Công ty này, VOSA có vốn góp 23,705USD với tỷ lệ vốn góp 0,27%. Hàng năm, liên doanh đều chia lãi liên doanh đầy đủ. Số tiền lãi VOSA thực nhận không đáng kể do tỷ lệ góp vốn thấp.

3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	13,203,685,780	13,186,417,987
Euro Pac Logistics Pte., Ltd	2,507,950,807	1,057,298,892
Cục dự trữ Nhà nước khu vực Đông Bắc	8,466,417,000	
Công ty CP cảng Quảng Ninh	1,125,745,561	5,567,826,702
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	12,853,762,443	18,946,868,061
CN Công ty TNHH SDV Việt Nam	421,595,884	2,009,151,665
Công ty TNHH Hóa chất TAIKO - Đại Hùng	2,049,259,731	2,849,565,084
MITSUI O.S.K LINES LTD	4,970,878,470	
Công ty TNHH Sumiso (Việt Nam)	93,474,751	2,024,591,847
Công ty TNHH Dịch vụ vận chuyển CMU Logistics	3,440,303,954	0
Công ty TNHH H & FRIENDS GTL Việt Nam	2,014,344,197	549,057,803
NIPPON YUSEN KABUSHIKI KAISHA	22,085,258,944	12,434,671,613
Phải thu khách hàng khác	81,770,707,039	56,818,773,508
Cộng	<u>155,003,384,561</u>	<u>115,444,223,162</u>

4. Phải thu khác

a) Ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	1,239,287,221	2,182,328,888
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	8,934,416,969
BHXH, BHYT, BHTN	110,048,953	91,411,126
Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ, ... cho các hãng tàu	10,970,643,699	9,471,635,953
Tạm ứng	15,651,765,126	7,006,823,514
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	2,683,777,000	2,116,345,000
Khoản phải thu khác	6,079,434,789	6,146,035,332
Cộng	<u>36,734,956,788</u>	<u>35,948,996,782</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	7,964,789,470	7,964,789,470
Khoản phải thu khác		
Cộng	7,964,789,470	7,964,789,470

5. Nợ xấu

Nợ xấu	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Nợ phải thu khó đòi	Số đơn vị đã trích lập dự phòng	Nợ phải thu khó đòi	Số đơn vị đã trích lập dự phòng
- Phải thu khách hàng	3,648,744,225	3,464,721,927	3,648,744,225	3,464,721,927
- Phải thu ngắn hạn khác	5,575,895,635	5,575,895,635	5,575,895,635	5,575,895,635
Cộng	9,224,639,860	9,040,617,562	9,224,639,860	9,040,617,562

6. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang				
- Văn phòng phẩm	36,800,000		175,500	
Cộng	36,800,000		175,500	

7. Tài sản dở dang dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối quý
Chi phí xây dựng Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn	75,228,158,489				75,228,158,489
Dự án nhà văn phòng Vitamas	305,518,229				305,518,229
Dự án nhà văn phòng Nha Trang		11,813,636			11,813,636
Cộng	75,533,676,718	11,813,636			75,545,490,354

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định Hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Ngày 1/1/2016	86,881,306,160	38,015,819	43,455,336,758	5,055,676,496	135,430,335,233
Ngày 31/03/2016	86,881,306,160	38,015,819	43,455,336,758	5,055,676,496	135,430,335,233
Hao mòn lũy kế					
Ngày 1/1/2016	40,322,364,304	38,015,819	30,019,088,073	4,193,941,631	74,573,409,827
- Khấu hao trong năm					

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	965,646,685	-	868,948,355	105,532,417	1,940,127,457
Ngày 31/03/2016	41,288,010,989	38,015,819	30,888,036,428	4,299,474,048	76,513,537,284
Giá trị còn lại					
Ngày 1/1/2016	46,558,941,856	-	13,436,248,685	861,734,865	60,856,925,406
Ngày 31/03/2016	45,593,295,171	-	12,567,300,330	756,202,448	58,916,797,949

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định Vô hình			Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá					
Ngày 1/1/2016	-	-	20,346,655,528	1,984,579,300	22,331,234,828
Ngày 31/03/2016			20,346,655,528	1,984,579,300	22,331,234,828
Giá trị hao mòn lũy kế					
Ngày 1/1/2016	-	-	913,305,563	1,705,447,408	2,618,752,971
<i>- Khấu hao trong năm</i>	-	-	56,304,756	46,521,981	102,826,737
Ngày 31/03/2016			969,610,319	1,751,969,389	2,721,579,708
Giá trị còn lại					
Ngày 1/1/2016			19,433,349,965	279,131,892	19,712,481,857
Ngày 31/03/2016			19,377,045,209	232,609,911	19,609,655,120

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư				Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá					
Ngày 1/1/2016	-	-	-	74,584,104,356	74,584,104,356
Ngày 31/03/2016	-	-	-	74,584,104,356	74,584,104,356
Hao mòn lũy kế					
Ngày 1/1/2016	-	-	-	24,783,032,575	24,783,032,575
<i>- Khấu hao trong năm</i>	-	-	-	1,046,097,570	1,046,097,570
Ngày 31/03/2016	-	-	-	25,829,130,145	25,829,130,145
Giá trị còn lại					
Ngày 1/1/2016	-	-	-	49,801,071,781	49,801,071,781
Ngày 31/03/2016	-	-	-	48,754,974,211	48,754,974,211

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí đại lý vận tải	98,274,277	
Công cụ, dụng cụ	209,024,545	55,549,367
Chi phí bảo hiểm	57,865,142	47,884,104
Chi phí thuê văn phòng, nhà kho	1,098,189,090	302,727,271
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	153,692,366	230,189,031
Cộng	<u>1,617,045,420</u>	<u>636,349,773</u>

b) Dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	340,643,695	554,098,208
Tiền thuê đất trả trước	1,626,733,842	1,651,357,818
Chi phí trả trước dài hạn khác	337,474,719	171,693,946
Cộng	<u>2,304,852,256</u>	<u>2,377,149,972</u>

12. Vay và nợ thuê tài chính

a) Vay ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối quý</u>
Vay người lao động ^(*)		2,333,081,633		2,333,081,633
Cộng		<u>2,333,081,633</u>		<u>2,333,081,633</u>

* Khoản vay người lao động công ty tại chi nhánh Northfreight theo Quyết định số 32/QĐ-NF ngày 31/03/2016 nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh tại đơn vị. Khoản vay này có thời hạn 9 tháng, đáo hạn ngày 31/12/2016 và không chịu lãi.

b) Vay dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn (Vosa Quảng Ninh) ⁽ⁱ⁾	7,000,000,000	7,000,000,000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác ⁽ⁱⁱ⁾	6,739,920,000	6,739,920,000
- Công ty TNHH Luen Wah Trading (Hong Kong)	6,739,920,000	6,739,920,000
Cộng	<u>13,739,920,000</u>	<u>13,739,920,000</u>

(i) Khoản vay tín chấp của cán bộ công nhân viên Đại lý Hàng hải Quảng Ninh (Vosa Quảng Ninh) theo hợp đồng vay số 02/ĐLHH-ĐQH ngày 01/04/2014 nhằm mục đích ký quỹ vào Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh để xin cấp giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, đáo hạn ngày 01/04/2019 và không chịu lãi.

(ii) Khoản vay dài hạn 1.980.000 CNY tương đương 6,739,920,000 VND từ Luen Wah Trading Co.,Ltd (Hong Kong) theo hợp đồng số 01/LC-HK ngày 10/04/1998. Khoản vay này có thời hạn 25 năm và không chịu lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cảng Hải Phòng	2,354,713,574	2,534,448,075
Công Ty TNHH Thương Mại Và Vận Tải Tiến Bộ	3,946,140,000	5,585,383,000
Công ty CP TM Vận Tải & XNK An Bình	1,783,650,000	4,186,631,230
Euro Pac Logistics Pte., Ltd	2,024,884,037	623,975,957
Công ty CP Cảng Quảng Ninh	5,339,253,390	4,321,481,182
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	5,563,612,125	3,548,009,711
Công ty CP Cảng Thái Hưng	1,051,571,742	2,647,854,685
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực III	2,412,854,408	1,582,037,581
IATA VIETNAM Company Limited	4,332,190,651	271,986,494
Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn	14,706,119,381	13,429,265,853
Phải trả nhà cung cấp khác	52,355,539,060	45,282,445,134
Cộng	95,870,528,368	84,013,518,902

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối quý</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	569,631,284	3,860,787,237	2,670,546,488	1,759,872,033
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,406,294,962	1,036,930,903	1,293,874,973	1,149,350,892
Thuế thu nhập cá nhân	658,356,661	2,502,217,574	2,285,965,631	874,608,604
Tiền thuê đất	438,239,000	377,235,551	438,239,000	377,235,551
Các loại thuế khác	11,322,842,768	5,295,166,071	10,926,876,739	5,691,132,100
Cộng	14,395,364,675	13,072,337,336	17,615,502,831	9,852,199,180

Trong đó các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước bao gồm:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT	8,556,102,315	9,071,124,347
Thuế thu nhập cá nhân	100,073,039	202,269,149
Thuế khác	1,043,983,304	17,820,255
Cộng	9,700,158,658	9,291,213,751

15. Chi phí phải trả

a) Ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vận tải thuê ngoài	7,496,237,213	5,970,294,939
Chi phí khác	1,011,623,372	1,556,433,597
Cộng	8,507,860,585	7,526,728,536

b) Dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí khác	500,000,000	500,000,000
Cộng	500,000,000	500,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Phải trả khác****a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	837,471,409	33,500,888
Kinh phí công đoàn	1,132,620,241	1,176,114,256
Cổ tức phải trả	205,724,825	8,360,724,825
Nhận ký quỹ ngắn hạn	5,799,246,060	4,705,071,720
Phải trả Manuchar Hong Kong Limited	8,342,091,909	8,342,091,909
Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	73,828,392,327	48,189,867,415
Tiền tài khoản ký ngân của các hãng tàu	10,237,964,338	12,244,568,320
Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3,737,387,440	3,737,387,440
Phải trả khác	579,863,961	404,517,808
Cộng	<u>104,700,762,510</u>	<u>87,193,844,581</u>

b) Dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ ngắn hạn	713,770,150	707,770,150
Phải trả khác		
Cộng	<u>713,770,150</u>	<u>707,770,150</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Doanh thu đại lý vận tải	24,316,146,989	-
- Doanh thu chưa thực hiện khác		200,000,000
Cộng	<u>24,316,146,989</u>	<u>200,000,000</u>

18. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ	Lợi nhuận sau thuế	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	116,500,000,000	56,397,655,039	12,311,461,686	84,208,708,055	46,632,834,823	316,050,659,603
Lợi nhuận trong năm		-	-	49,228,154,751	(374,282,527)	48,853,872,224
Trích lập các quỹ		17,863,553,952	1,531,161,767	(25,777,301,141)		(6,382,585,422)
Chia cổ tức		-	-	(19,805,000,000)		(19,805,000,000)
Chi quỹ		-	(1,108,206,000)			(1,108,206,000)
Số dư cuối năm trước	116,500,000,000	74,261,208,991	12,734,417,453	87,854,561,665	46,258,552,296	337,608,740,405
Số dư đầu năm nay	116,500,000,000	74,261,208,991	12,734,417,453	87,854,561,665	46,258,552,296	337,608,740,405
Lợi nhuận trong năm		-	-	5,239,552,150	(129,719,697)	5,109,832,453
Số dư cuối năm nay	116,500,000,000	74,261,208,991	12,734,417,453	93,094,113,815	46,128,832,599	342,718,572,858

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- * Số dư Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm : Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ: 11.650.000.000đ và Quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh: 1.084.417.453đ

b) Cổ phiếu

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	<u>11,650,000</u>	<u>116,500,000,000</u>	<u>11,650,000</u>	<u>116,500,000,000</u>
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	<u>11,650,000</u>	<u>116,500,000,000</u>	<u>11,650,000</u>	<u>116,500,000,000</u>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

19. Chi tiêu ngoại bảng

Ngoại tệ các loại	Cuối quý	Đầu năm
- USD	<u>2,925,765</u>	<u>2,823,881</u>
- EURO		
Cộng	<u>2,925,765</u>	<u>2,823,881</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	164,487,145,945	180,713,820,800
- Doanh thu đại lý tàu rời	12,827,085,910	11,678,357,669
- Doanh thu đại lý vận tải	89,421,709,129	95,443,245,389
- Doanh thu đại lý liner	4,812,835,948	6,697,142,024
- Doanh thu kiểm kiện	4,474,138,628	4,630,715,486
- Doanh thu kho ngoại quan	4,274,654,248	25,919,857,214
- Doanh thu tạm nhập tái xuất	4,922,154,716	5,924,720,120
- Doanh thu cung cấp dịch vụ tàu	4,315,157,330	9,454,631,063
- Doanh thu cho thuê phương tiện	14,427,921,825	17,386,278,765
- Doanh thu cho thuê kho, khách sạn	21,721,001,681	1,664,230,842
- Doanh thu dịch vụ khác	3,290,486,530	1,914,642,228
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần	164,487,145,945	180,713,820,800

Chi tiết doanh thu theo phân loại của Tổng công ty hàng hải Việt Nam

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	164,487,145,945	180,713,820,800
- DT vận tải và hỗ trợ vận tải	89,421,709,129	95,443,245,389
- DT cảng biển và hỗ trợ cảng biển	40,857,139,641	49,847,125,007
- Kinh doanh xăng dầu		
- Sửa chữa tàu biển		
- Cho thuê văn phòng	21,721,001,681	1,664,230,842
- Doanh thu khác	12,487,295,494	33,759,219,562
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần	164,487,145,945	180,713,820,800

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	14,531,701,558	16,249,235,047
Chi phí vật liệu bao bì	865,070,419	1,101,776,666
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,448,823,283	2,404,792,566
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125,061,062,144	141,117,352,459
Chi phí khác	792,793,234	650,142,233
Cộng	143,699,450,638	161,523,298,971

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	600,378,577	492,290,848
Cổ tức, lợi nhuận được chia	890,400,000	860,600,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,226,244,866	497,035,871
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Lãi chuyển nhượng vốn		
Cộng	<u>2,717,023,443</u>	<u>1,849,926,719</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	307,548,977	513,937,513
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14,106,197	
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		
Chi phí tài chính khác		
Cộng	<u>321,655,174</u>	<u>513,937,513</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		
Các khoản nợ không xác định được chủ	300,000,000	
Các khoản thu nhập khác	14,964,943	38,885,058
Cộng	<u>314,964,943</u>	<u>38,885,058</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	6,025,690
Các khoản chi phí khác	349,224	4,075,331
Cộng	<u>349,224</u>	<u>10,101,021</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	6,126,979,798	5,769,346,919
Chi phí nguyên vật liệu	371,448,318	568,479,066
Chi phí đồ dùng văn phòng	365,280,759	804,754,598
Chi phí khấu hao tài sản cố định	640,228,481	829,934,284
Thuế, phí, lệ phí	489,092,392	366,667,019
Chi phí dự phòng	85,433,500	23,572,580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,943,154,669	7,101,414,719
Chi phí khác	682,576,353	419,358,031
Cộng	<u>17,704,194,270</u>	<u>15,883,527,216</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	865,070,419	1,670,255,732
Chi phí nhân công	20,658,681,356	22,018,581,966
Chi phí công cụ dụng cụ	365,280,759	804,754,598
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,089,051,764	3,234,726,850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134,914,191,023	148,609,006,777
Chi phí khác	1,511,369,587	1,069,500,264
Cộng	<u>161,403,644,908</u>	<u>177,406,826,187</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ phát sinh tại từng Công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	1,036,930,903	1,318,609,411
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	-
Cộng	<u>1,036,930,903</u>	<u>1,318,609,411</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Từ năm 2003 đến năm 2008, Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý thương mại và dịch vụ hàng hải (Vitamas) đã ký kết các hợp đồng làm nhà phân phối cho Tập đoàn Manuchar NV (trụ sở tại Vương quốc Bỉ) và các công ty thành viên của Tập đoàn Manuchar để thực hiện việc nhập khẩu và phân phối hàng hóa tại Việt Nam. Hợp đồng phân phối này đã chấm dứt năm 2008.

Trong năm 2010, Manuchar Hong Kong Limited (viết tắt là Manuchar) đã khởi kiện đòi Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phải thanh toán số tiền là 5,965,008.84 USD (bao gồm nợ tiền hàng liên quan đến 33 hợp đồng mua bán trong năm 2008 là 4,886,233.84 USD và lãi phát sinh từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 11 năm 2009 là 1,078,775.00 USD) tương đương 127.531.888.999 VND (quy đổi theo tỷ giá 21.380 VND/USD). Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam trình bày rằng Chi nhánh chỉ thực hiện chức năng nhận và giao hàng hộ cho Manuchar Hong Kong Limited theo hợp đồng nhà phân phối. Chi nhánh đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng nhà phân phối giữa hai bên và Chi nhánh chỉ còn phải trả Manuchar số tiền 14,328.40 USD tương đương 306.341.192 VND (quy đổi theo tỷ giá 21.380 VND/USD), đây là số tiền hàng thiếu hụt trong quá trình giao nhận của 33 hợp đồng mà Chi nhánh phải đền bù. Do Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và Manuchar không thống nhất quan điểm trong phiên hòa giải nên hiện nay vụ kiện vẫn đang tiếp tục tại Tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 17 tháng 10 năm 2011, Công ty TNHH Manuchar Việt Nam tiếp tục gửi đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân quận 1, TP. Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phải thanh toán số tiền là 89.433.958.452 VND (bao gồm nợ tiền hàng liên quan đến các hợp đồng mua bán trong năm 2008 là 66.991.729.178 VND và lãi phát sinh tạm tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2008 đến ngày 01 tháng 10 năm 2011 là 22.442.229.274 VND). Vụ kiện này được Tòa án nhân dân quận 1, TP. Hồ Chí Minh thụ lý theo số hồ sơ thụ lý số 1279/2011/KTST ngày 29 tháng 12 năm 2011 và tạm đình chỉ giải

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

quyết theo Quyết định số 03/2012/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2012 do chờ kết quả giải quyết của Tòa kinh tế Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ban giám đốc Công ty cho rằng Chi nhánh đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong hợp đồng được ký kết với các nguyên đơn, ngoài khoản phải trả là 8.342.091.909 VND đã được ghi nhận trong phải trả ngắn hạn khác (thuyết minh 16a). Theo thư xác nhận từ luật sư của Công ty. Mamuchar Hong Kong trong tháng 02 năm 2016 đã gửi dự thảo hòa giải ngoài tòa cho Công ty, theo đó chỉ yêu cầu Công ty thanh toán số tiền 8.342.091.909 VND. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính, hai bên vẫn đang trong quá trình đàm phán thống nhất dự thảo hòa giải ngoài tòa này.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam		
Chia cổ tức	4,163,460,000	
Chi phí thuê văn phòng phải trả	230,400,000	230,400,000
Tiền điện phải trả	2,690,250	3,148,470
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam		
Cho thuê văn phòng tại số 3-5-7 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	22,950,000	22,950,000

Công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Vinalines Nha Trang		
Phải thu các khoản thu chi hộ	125,410,683	125,410,683
Công ty CP Vận tải biển Việt Nam (Vosco)		
Phí cung cấp dịch vụ	108,836,813	-
Công ty TNHH MTV vận tải viễn dương Vinashin		
Phí cung cấp dịch vụ	355,340,831	355,340,831
Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam		
Phí cung cấp dịch vụ	2,984,499	
Công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân		
Phí cung cấp dịch vụ	15,396,458	
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông		
Phí cung cấp dịch vụ	5,660,000	
	<u>613,629,284</u>	<u>416,221,063</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công nợ phải trả		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tổng Công ty hàng hải Việt Nam</i>		
Cổ tức phải trả		4,163,460,000
Chi phí dịch vụ	2,959,276	1,093,191
<i>Công ty TNHH SYMS Việt Nam</i>		
Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3,737,387,440	3,737,387,440
<i>Công ty cổ phần cảng Đà Nẵng</i>		
Tiền cảng phí phải trả		28,374,957
<i>Công ty cổ phần cảng Hải Phòng</i>		
Tiền cảng phí phải trả	3,911,188,617	2,534,448,075
<i>Công ty CP Cảng Cam Ranh</i>		
Tiền cảng phí phải trả	464,051,003	
<i>Công ty CP Cảng Nha Trang</i>		
Tiền cảng phí phải trả	171,726,164	
	<u>8,287,312,500</u>	<u>10,464,763,663</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Người lập biểu



NGUYỄN LƯƠNG HUY

PT. Ban TCKT



VÕ TRUNG THẮNG

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Tổng giám đốc



 VŨ XUÂN TRUNG